NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II – KHỐI 4

Chương trình học tiếng Anh thông qua môn Toán và Khoa học
sử dụng bài giảng số của iSMART
Năm học 2020-2021

1. Môn tiếng Anh Toán:

Bài học	**Nội dung ôn tập**	
	Nội dung kiến thức	**Từ vựng, cấu trúc**
Unit 7 – Divisibility *Chương 7 –Dấu hiệu chia hết* Lesson 2: Divisibility rules for 3 and 9 *Bài 2: Dấu hiệu chia hết cho 3 và 9*	• *Biết được dấu hiệu chia hết cho 3 và 9* • *Sử dụng dấu hiệu chia hết cho 3 và 9 để trình bày số đó có chia hết cho 3 hoặc 9 hay không* • *Áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3 và 9 để giải toán đố*	• *... is divisible by ... because ...* • *... is not divisible by ... because ...* sum of the digits *tổng của các chữ số*
Unit 8 – Fraction *Chương 8 – Phân số* Lesson 1: Like and unlike fractions *Bài 1: Phân số cùng mẫu và phân số khác mẫu*	• *Xác định được tử số và mẫu số của một phân số* • *Biết được mẫu số không thể là số 0* • *Biết được khái niệm về phân số cùng mẫu và khác mẫu* • *Có thể so sánh những phân số cùng mẫu*	• *... over ...* • *... and ... are like/ unlike fractions as their denominators ... are the same/ different.* fraction, numerator, denominator, like fractions, unlike fractions *phân số, tử số, mẫu số, phân số cùng mẫu, phân số khác mẫu*
Unit 8 – Fraction *Chương 8 – Phân số* Lesson 2: Addition and subtraction of fractions *Bài 2: Phép cộng và phép trừ phân số*	• *Biết cách quy đồng mẫu số của các phân số khác mẫu* • *Biết cách cộng / trừ các phân số* • *Giải các bài toán đố có liên quan đến phép cộng / trừ phân số*	• *The common denominator is ...* • *... plus ... equals ...* • *... minus ... equals ...* common denominator *mẫu số chung*
Unit 8 – Fraction *Chương 8 – Phân số* Lesson 3: Multiplication and division of fractions *Bài 3: Phép nhân và phép chia phân số*	• *Biết cách nhân 2 phân số* • *Biết cách tìm nghịch đảo của một phân số* • *Biết cách chia 2 phân số* • *Giải các bài toán đố liên quan đến phép nhân/ phép chia phân số*	• *The reciprocal of ... is ...* • *... multiplied by ... equals ...* • *... divided by ... equals ...* reciprocal of a fraction *nghịch đảo của phân số*

Unit 8 – Fraction *Chương 8 – Phân số* Lesson 4: Word problems *Bài 4: Toán đố*	• *Giải các bài toán đố liên quan đến phân số* • *Có khả năng viết và trình bày lời giải*	

2. Môn tiếng Anh Khoa học:

Bài học	**Nội dung ôn tập**	
	Nội dung kiến thức	**Từ vựng, cấu trúc**
Unit 4 – Air *Chương 4 – Không khí* Lesson 2: Components of air *Bài 2: Các thành phần của không khí*	• *Biết được những thành phần chính của không khí (ôxy, nitơ và các khí khác) và tỉ lệ phần trăm của chúng* • *Xác định tỉ lệ các loại khí trong biểu đồ tròn*	• *… percent of air is …* Oxygen, Nitrogen, other gases (water vapour, carbon dioxide,...) *ôxy, nitơ, và các khí khác (hơi nước, khí các-bô-nic…)*
Unit 4 – Air *Chương 4 – Không khí* Lesson 3: Wind *Bài 3: Gió*	• *Biết được gió là sự chuyển động của không khí* • *Có thể trình bày được công năng của gió, cung cấp năng lượng và hỗ trợ thuyền buồm*	• *Wind can provide energy, and support sailboats to move.* wind, air movement, wind energy, wind turbine, sailboat *gió, sự chuyển động không khí, năng lượng gió, tua bin gió, thuyền buồm*
Unit 5 – Sound *Chương 5 – Âm thanh* Lesson 1: How does sound travel? *Bài 1: Âm thanh di chuyển như thế nào*	• *Biết được âm thanh được truyền đi bằng sự rung động trong nhiều môi trường khác nhau* • *Biết được rằng âm thanh không thể được truyền trong không gian*	• *Sound can/ cannot travel in …* vibration, medium (solid, liquid, gas), space *sự rung động, môi trường (rắn, lỏng, khí), không gian*
Unit 5 – Sound *Chương 5 – Âm thanh* Lesson 2: Sounds around us *Bài 2: Âm thanh xung quanh chúng ta?*	• *Nêu tên một số đồ vật phát ra âm thanh* • *Có thể kể tên một số loại đồ vật phát ra âm thanh dễ chịu và khó chịu*	• *The sound of … is pleasant/unpleasant to hear.* musical instruments (piano, guitar, drum), noise (bell, horn, alarm) *những nhạc cụ (piano, ghita, trống), tiếng ồn (chuông, kèn, chuông báo động)*

Unit 6 – Light *Chương 6 – Ánh sáng* Lesson 1: How can we see things? *Bài 1: Làm thế nào để chúng ta có thể nhìn thấy vật?*	• *Định nghĩa nguồn ánh sáng* • *Xác định một vật có phải là nguồn sáng hay không* • *Xác định một vật có phải là nguồn sáng hay không*	• *… is/ is not a light source because it can/cannot produce light.* light source, produce light, reflect, the Sun, torch *nguồn sáng, tạo ánh sáng, phản chiếu, Mặt Trời, đèn pin*

PHÒNG ĐÀO TẠO ISMART